

Phẩm 158: BỐN TU ĐỊNH

Có tu định là được lạc hiện tiền, có tu định là được tri kiến, có tu định được tuệ phân biệt, có tu định được lậu tận. Nếu Tam muội có thể đạt được lạc hiện tiền, gọi là thiền thứ hai. Vì sao biết được? Vì Đức Phật nói: Thiền thứ hai, là từ Tam muội sinh ra hỷ lạc vì nó mà đặt tên, không phải pháp khác. Như vào thành Xá-vệ, là vì phạn thực.

Hỏi: Thiền thứ nhất cũng có hỷ lạc, tại sao không nói có lạc hiện tiền?

Đáp: Thiền thứ nhất còn lẫn lộn, các giác quán thường làm loạn tâm cho nên không nói lạc hiện tiền.

Hỏi: Thiền thứ hai cũng có hỷ thường làm loạn tâm pháp, mà sao gọi là lạc?

Đáp: Trước hết diệt các giác, thân giữ tâm sâu xa, cho nên nói hỷ là lạc, nhưng do hành khổ cho nên tất cả gọi là khổ. Hơn nữa, trong thiền thứ nhất cái khổ còn thô, trong thiền thứ hai cái khổ vi tế. Vì vi tế cho nên mới gọi là lạc.

Hỏi: Trong thiền thứ hai cũng có được lạc (vui) đời sau hiện hành vì sao chỉ nói lạc hiện tiền?

Đáp: Như vì vua A-xà-thế mà nói quả Sa-môn hiện tại, vì gần gũi cho nên nói, lại vì muốn phá bỏ năm thứ dục lạc, cho nên mới nói cái lạc hiện tiền, nếu người nào tham đắm năm thứ vui dục lạc, thì không đạt được các thiền. Do đó mới nói: Nếu các ông có thể xa lìa cái vui của năm dục, sẽ đạt được cái vui thù thắng hơn cái vui ở hiện tại. Đức Phật không tán thành thọ chịu thân sau, nên không nói cái vui đời sau. Lại nữa, người thế gian nói cái vui của người tại gia, không phải của người xuất gia, nên Đức Phật mới nói, đây là cái lạc hiện tiền của người xuất gia, vả lại bốn pháp tu định đều là cái lạc hiện tiền, vì đầu tiên thọ nhận nên riêng nói niềm vui hiện tại.

Hỏi: Nếu bốn pháp tu định này có thể thành tựu các thứ lợi ích, vì sao chỉ nói bốn thứ lợi ích?

Đáp: Lợi có hai thứ: Là lợi của thế gian, và lợi của xuất thế gian. Tu định thứ hai là lợi ích của thế gian, gọi là thấy biết. Biết ấy gọi là lợi ích của tám, trừ nhập, mười nhất thiết nhập. Cái thấy gọi là lợi ích của năm thân thông. Vì sao? Vì lợi về mắt thấy pháp nên gọi là thấy. Việc thấy này nhờ nhận lấy ánh sáng nên thành tựu, do đó vì tri kiến mà nói là tướng ánh sáng. Hai là lợi ích xuất thế gian, do tuệ phân biệt năm ấm, gọi là tuệ phân biệt. Trong kinh nói: Tuệ phân biệt là: Nếu hành giả

sinh các thọ, các giác, các tướng, đều có thể phân biệt biết rõ. Biết phân biệt thọ là do xúc làm nhân duyên cho thọ, chứ không có người thọ. Biết phân biệt giác là do chấp ngã giác. Vì sao lại không? Nghĩa là phân biệt nghĩ về nam, nữ là giả danh, phá tướng nghĩ này thì không có các giác. Như kinh nói: Các giác do đâu? Đó là suy nghĩ. Cho nên biết phá tướng này thì không có các giác, các giác không còn, thì các thọ cũng không. Vì vậy biết phá giả danh gọi là tuệ phân biệt, nhờ tuệ phân biệt cho nên dứt hết các lậu. Như trong kinh nói: Hành giả quán tướng sinh diệt của năm ấm, nên có thể chứng biết ấm diệt. Do đó biết tất cả lợi ích của thế gian, xuất thế gian đều tóm thâu ở trong bốn pháp.

Hỏi: Có Luận sư nói: Trong thiền thứ tư có thể chứng được quả A-la-hán, đạo vô ngại, gọi là lậu tận việc ấy là thế nào?

Đáp: Trong ấy không có nhân duyên nào sai khác mà chỉ nơi thiền thứ tư, đạo vô ngại gọi là Lậu tận mà không phải các pháp khác, do đó không phải. Tu định là được ba điều lợi. Một là lạc hiện tiền, hai thấy biết rõ ràng; ba là đoạn trừ kiết sử. Hoặc nói có hai, như nói do thành tựu rốt ráo, nên hoàn toàn thanh tịnh; do dứt sạch sinh tử nên phân biệt các tánh. Người có mắt tuệ nói về đạo, thì trong ba thiền trước nói là đoạn, một thiền sau nói về trí, Đức Phật nói nơi ấy không có lạc hiện tiền.

Phẩm 159: BỐN ĐỊNH VÔ LƯỢNG

Từ, Bi, Hỷ, Xả. Từ gọi là tâm hiền lành trái với giận dữ, như các bậc thiện tri thức. Vì là người thiện tri thức nên luôn luôn mong cầu lợi ích an vui, hành giả cũng vậy, vì tất cả chúng sinh mà luôn cầu an lạc, người này làm thiện tri thức cho tất cả chúng sinh.

Hỏi: Tướng của thiện tri thức như thế nào?

Đáp: Vì thường cầu lợi ích an vui cho đời này và đời sau, hoàn toàn không cầu việc vô ích trái ngược. Hành giả cũng vậy, chỉ vì chúng sinh cầu việc an vui, không cầu việc chẳng an vui.

Bi là lòng từ trái với việc não hại. Vì sao? Vì chúng sinh nên cầu lợi ích an vui.

Hỏi: Giận dữ và não hại khác nhau gì không?

Đáp: Trong tâm sinh ra niệm giận dữ, muốn đánh đập hại chúng sinh này, từ giận dữ khởi lên nghiệp thân khẩu, gọi là não hại. Giận dữ làm nhân cho não hại, người ôm tâm giận dữ chắc chắn luôn làm hại cho kỳ được.

Hỷ là tâm từ trái với ganh ghét, ganh là thấy việc tốt của người khác, tâm không nhẫn chịu sinh ra ghét giận. Hỷ là hành giả thấy tất cả chúng sinh đạt được những điều lợi ích sinh tâm vui mừng, như mình được lợi.

Hỏi: Ba pháp này đều thuộc về từ cả sao?

Đáp: Tức là ba thứ khác nhau của tâm từ. Vì sao? Vì không giận dữ nên gọi là từ. Tuy có người không thường giận nhưng thấy chúng sinh khổ đau không thương xót. Nếu ở trong tất cả chúng sinh, có thể tu sâu lòng từ, như người thấy con mình gặp khổ ão bức bách, thì lúc đó tâm từ chuyển thành tâm bi. Hoặc có người đối với việc khổ hại của người khác thường sinh tâm thương xót, nhưng đối với việc lợi ích của người khác thì không sinh tâm vui mừng. Vì sao biết? Có người thấy oán tặc khổ hoạn còn sinh lòng thương, nhưng thấy con làm việc hơn mình không vui. Hành giả thấy tất cả chúng sinh được sự lợi ích sinh tâm vui mừng, không khác gì như mình được, đó gọi là Hỷ. Cho nên biết tâm Từ khác biệt là tâm Bi, và Hỷ.

Hỏi: Đối với Xả, làm thế nào gọi là Xả?

Đáp: Gặp kẻ oán, người thân thì tâm Từ không bình đẳng, đối với người thân thì trọng ãi đối với người không thân không oán thì không như vậy, đối với kẻ oán ghét thì ãi ãi bạc bẽo. Bi, Hỷ cũng vậy. Cho nên hành giả muốn làm cho tâm được bình đẳng, thì đối với người thân

phải xả bỏ người thân, đối với kẻ oán xả hết kẻ oán, sau đó đối với tất cả chúng sinh tâm từ mới bình đẳng, Bi, Hỷ cũng thế. Trong kinh nói: Muốn dứt thương ghét phải tu tập tâm Xả.

Hỏi: Như vậy không có tâm Xả riêng, chỉ dùng tâm bình đẳng gọi là Xả?

Đáp: Ở trước tôi đã nói sự khác nhau của tâm Từ là Bi và Hỷ. Tâm Từ là do pháp hạ, trung, thượng nên có ba loại, có thể làm cho bình đẳng, nên gọi là Xả. Như nói lấy tâm Từ bậc thượng tu tập tam thiên.

Hỏi: Dùng phương tiện nào để được tâm Từ này?

Đáp: Sau sẽ giải thích tội lỗi của sự giận dữ, biết tội lỗi này rồi, phải siêng tu tập tâm từ, thấy tâm từ được công đức lợi ích. Trong kinh nói: Người tu tâm Từ ngủ an ổn, thức cũng yên, không thấy ác mộng, được trời ủng hộ, người mến, không trúng độc, không bị đao binh, nước và lửa không làm mất mạng. Vậy tất cả nghiệp báo do giận dữ sinh ra không sao bì kịp. Nghe lợi ích ấy nên siêng năng tu tập, hành giả suy nghĩ: Ta khởi sự giận dữ, tự thọ quả báo, chứ không ai chịu thay, vậy không nên giận dữ mà phải tu tâm Từ, hành giả suy tính, ta vì một chút ác hại người thì sẽ tự thọ ác nhiều gấp trăm lần hơn, vậy phải xa lìa ác. Trong kinh nói: Có năm nhân duyên trừ giận dữ, luôn nhớ nghĩ. Sự giận dữ không phải là điều thích hợp của người tu; nghĩ việc tốt lợi ích của người kia mà trừ bỏ việc bất thiện, thì giận dữ chấm dứt; phải quán xét nhân duyên trước sau của người đó, người này đời trước từng làm mẹ ta, mang thai, sinh ra, nuôi nấng ta, vì ta mà chịu khổ nhọc, hoặc từng làm cha, anh, em, vợ con của ta, làm sao mà giận? Lại nghĩ: Đến đời sau hoặc vì ta mà làm cha mẹ anh em, hoặc làm La hán, Duyên giác, và chư Phật, làm sao dám giận; hoặc thấy người ác vì làm ác cho nên bị khổ cả hai đời, vì vậy không giận; lại quán kỹ thể tánh người kia thiện hay ác, nếu ác họ tăng thêm ác với ta, làm sao sinh giận? Như lửa đốt người không nên giận lửa? Như thấy người kia bị lửa phiền não bức bách không được tự do, giống như bị quỷ bắt thì sao sinh giận dữ. Lại tùy thuận theo dùng nhân duyên nào đó tu tập nhẫn nhục, phải nhớ nghĩ pháp này thì giận dữ sẽ chấm dứt, lòng từ tăng trưởng, công đức của nhẫn nhục là hành giả phải luôn nhớ nghĩ: Nếu ta giận người khác tức là thấp hèn như người kia không khác gì, nên phải nhẫn nhục. Đức Phật nói kệ:

*Như người tập voi
Nhẫn chịu đao, tên
Ta cũng như vậy*

Nhận chịu các ác.

Lại nói kệ:

*Miệng ác mắng nhiếc
Chê bai, giận dữ
Tiểu nhân không nhịn
Như đá đè chim
Miệng ác mắng nhiếc
Hủy nhục giận dữ
Đại nhân nhẫn chịu
Như hoa rải voi.*

Cho nên phải nhẫn nhục, đem việc bất thiện này trở lại làm công đức, vì từ các việc bất thiện mà trở thành công đức. Lại hành giả thấy chúng sinh ấy ngu si không hiểu biết, giống như trẻ con nên không giận, nhờ phương tiện ấy mà tu tâm Từ.

Hỏi: Thế nào là tu Bi?

Đáp: Hành giả thấy chúng sinh vui ít khổ nhiều nên sinh lòng thương xót, nghĩ taỡ lòng nào đối với chúng sinh khổ đau lại tăng thêm khổ nữa? Thấy chúng sinh tham đắm sâu vào việc vui, thì sinh suy nghĩ: Hôm nay ta làm thế nào đoạn dứt ý muốn của họ mà sinh tâm Bi. Thấy chúng sinh khổ, vì hiện khổ cho nên khổ, thấy chúng sinh vui, vì vô thường nên mới khổ, vậy tất cả chúng sinh đều có phần khổ, hoặc sớm hoặc muộn không ai thoát được, vì nhân duyên này nên sinh tâm Bi.

Hỏi: Tu Hỷ như thế nào?

Đáp: Hành giả thấy người ganh ghét lợi ích của người khác là tướng thấp hèn, vậy nên phải tu Hỷ, phải khởi ý nghĩ: Lẽ ra ta phải làm cho chúng sinh vui vẻ, nay họ đạt được là giúp ta, cho nên sinh vui mừng. Lại thấy ganh ghét ấy uống công vô ích, không thể làm tổn hại người khác, mà chỉ làm hại mình. Như trong kinh nói tội lỗi của ganh ghét, muốn lìa tội lỗi này phải sinh vui mừng.

Hỏi: Làm sao tu tâm xả?

Đáp: Thấy lỗi lầm của tâm không bình đẳng, muốn cho tâm bình đẳng, cho nên phải hành xả. Hành giả thấy lỗi của tâm giận dữ, nên mới tu hạnh xả

Hỏi: Tâm vô lượng ấy ở trong cõi nào?

Đáp: Đều ở trong ba cõi

Hỏi: Luận sư nói: Từ thiên thứ ba trở lên không có hỷ căn, việc này thế nào?

Đáp: Ta không nói tâm Hỷ là tánh của hỷ căn, chỉ vì sự lợi ích của

người khác tâm vui mừng không cấu uế, cho nên gọi là Hỷ. Bốn tâm vô lượng đều là tánh tuệ.

Hỏi: Ở trong cõi Vô sắc làm sao có bốn tâm vô lượng, vì dùng sắc tướng mới phân biệt chúng sinh, trong ấy hủy hoại sắc tướng làm sao có được?

Đáp: Chúng sinh ở Vô sắc cũng có thể phân biệt. Trong kinh nói: Phải làm hữu sắc và vô sắc. Trong kinh nói: Tu Từ rất lâu đạt được quả báo Biến tịnh; tu Bi sâu xa tột cùng thì được quả báo Không xứ; tu Hỷ cực sâu thì được quả báo Thức xứ; tu Xả rất sâu xa được quả báo Vô sở hữu xứ, nên biết rằng trong Vô sắc cũng có tâm vô lượng.

Hỏi: Trong mỗi một cõi có một vô lượng tâm, còn Phi tưởng phi phi tưởng xứ không có sao?

Đáp: Đều có tất cả mọi xứ, nhưng tu Từ trước nên sinh về Biến tịnh xứ, do các nghiệp sinh quả báo tương tự, nên chúng sinh cầu vui thì được quả báo vui, Bi cũng như vậy, do có thân nên có nhiều các khổ tích tập. Vô sắc trong hư không, nên tâm Thức xứ đối với cảnh duyên trụ rất vui, do đó xả bỏ đến cùng ở Vô sở hữu xứ. Hành giả bị tưởng làm mệt mỏi, nên mới nhập vào Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng có vô lượng tâm, nhưng vì vi tế không hiện rõ nên không nói. Tất cả xứ thì có tất cả, chỉ tùy thuận theo phần nhiều mới nói. Trong Biến tịnh lòng Từ là cao tột nhất, trong các thiền định bốn vô lượng tâm thọ quả báo thù thắng, vì duyên với chúng sinh.

Hỏi: Luận sư nói: Bốn vô lượng tâm này chỉ duyên chúng sinh ở cõi Dục, việc này thế nào?

Đáp: Tại sao không duyên chúng sinh ở cõi khác? Phải nói lý do, trong kinh Vô lượng tâm Đức Phật nói: Người hành tâm Từ bao trùm khắp tất cả chúng sinh trong bốn phương trên, dưới, chúng sinh ở cõi Sắc, Vô sắc cũng có vô thường biến đổi đọa vào các nẻo ác, vì sao không duyên?

Hỏi: Có Luận sư nói: Chỉ có cõi Dục hành giả mới có thể thâm nhập được vô lượng tâm, việc này là thế nào?

Đáp: Sinh ra tất cả mọi nơi thì có thể đều hiện nhập vào.

Hỏi: Nếu sinh trong cõi kia cũng có thể hiện nhập vào, thì phước ấy không thể cùng tận, luôn sống trong cõi ấy?

Đáp: Trong cõi ấy cũng có hiện nhập thiền, tuy có các pháp thiện khác mà cũng thoái lui, Từ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu có lý này, sao không mau thoái lui?

Đáp: Vì có nghiệp như thế, tuy có nhân duyên thoái lui, mà không

mau thoát lui. Như trời ở cõi Dục, tuy có nghiệp thiện cũng sinh vào đường ác, việc này cũng như vậy.

Hỏi: Người tu Từ Tam muội, tại sao binh, đao, nước, lửa không thể làm hại?

Đáp: Nhờ phước thiện sâu dày, các việc bất thiện không thể gia tăng, cũng được các vị trời hộ vệ.

Hỏi: Kinh nói Từ và tu giác ý, hữu lậu và vô lậu, làm sao cùng tu?

Đáp: Từ này cùng giác ý thuận nhau. Như trong kinh nói: Nếu người nào chăm chú nghe pháp thì có thể đoạn dứt năm cái, tu bảy pháp giác ý không cần nghe pháp, cũng tu giác ý. Trong kinh nói: Tỳ-kheo các ông tu tập tâm Từ, ta bảo đảm các ông sẽ đạt được quả A-na-hàm, tuy tâm Từ chưa dứt hết phiền não, nhưng trước phải dùng tâm Từ tích tập phước đức, lợi ích trí tuệ rồi đạt được Thánh đạo, mới đoạn trừ được phiền não. Cho nên nói tu Từ đạt được quả A-na-hàm. Tu Từ hay tu giác cũng như vậy.

Hỏi: A-la-hán đoạn ý tưởng về chúng sinh, làm sao tu vô lượng tâm?

Đáp: A-la-hán tuy nhập vào tâm Từ, nhưng không tập hợp thành nghiệp Từ, do không thọ sinh.

Hỏi: Lòng đại bi của chư Phật Thế Tôn như thế nào?

Đáp: Chư Phật Thế Tôn có trí tuệ không thể nghĩ bàn, tuy biết các pháp rốt cuộc đều không, nhưng luôn tu đại bi sâu xa đối với phàm phu không được quyết định tướng của chúng sinh.

Hỏi: Bi và đại bi khác nhau như thế nào?

Đáp: Bi gọi là tâm thương xót, trở thành sự nghiệp mới gọi là Đại bi. Vì sao? Bồ-tát thấy chúng sinh khổ đau, muốn dứt hết khổ này nên mới siêng năng tinh tấn tu hành, ở trong vô lượng kiếp tu tập được thành tựu, gọi là Đại bi. Lại dùng mắt trí tuệ xem thấy chúng sinh khổ sở liền quyết tâm cứu giúp nên phải diệt trừ, gọi là Đại bi, và làm nhiều việc lợi ích nên gọi là Đại bi, cũng không bị làm chướng ngại gọi là Đại bi. Vì sao? Vì tâm Bi suy nghĩ ác của người khác thì sinh chướng ngại, chứ Đại bi đối với vô số điều ác sâu dày đều thông suốt không ngăn ngại. Tâm Bi có dày có mỏng không bình đẳng, mà tất cả đều bình đẳng mới gọi là Đại bi. Tự bỏ lợi ích của mình, chỉ cầu lợi ích cho người khác, gọi là Đại bi. Bi không bằng như vậy. Nên gọi là sai khác. Như vậy tâm từ v.v... ở Đức Phật đều gọi là Đại, nhưng vì Bi cứu khổ nên mới gọi riêng.